TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ÂN THI** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HNGĐ - ST
Ngày 21 tháng 02 năm 2025
" *V/v ly hôn, con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông* **Nguyễn Đồng D**
- *Các hội thẩm nhân dân: Bà* **Hoàng Thị C**
Bà **Nguyễn Thị N**

Thư ký Toà án phiên toà: Ông **Dương Mạnh H** – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên toà: Ông **Đỗ Văn T** - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2024/TLST-HNGĐ ngày 28/11/2024 về việc giải quyết ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/DSST - QĐXX ngày 03/02/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Cao Văn Đ, sinh năm 1996
Địa chỉ: Ngô Xá, Quảng Lãng, Ân Thi, Hưng Yên
Bị đơn: Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1999
Địa chỉ: Thôn Quanh, TT Ân Thi, Ân Thi, Hưng Yên
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Cao Tú U, sinh năm 2021
Người đại diện cho cháu U: Chị H
Anh Đ, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/11/2024 của anh Đ và các lời khai của chị H trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện như sau:

Anh Cao Văn Đ và chị Trần Thị Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào ngày 25/01/2018. Quá trình chung sống vợ chồng tồn tại nhiều mâu thuẫn, ngU nH mâu thuẫn theo như anh Đ trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng tuổi còn trẻ chưa hiểu hết được những khó khăn, vất vả khi lập gia đình, do kinh tế không tập trung nên thường xU to tiếng, cãi nau, vợ chồng cũng đã tìm nhiều giải pháp để tháo gỡ nhưng không có thay đổi gì, từ khoảng tháng 02, tháng 03 năm 2023 vợ chồng sống ly tH, chấm dứt mọi quan hệ, không ai còn quan tâm đến ai. Anh Đ xác định không còn tình cảm, hạnh phúc không thể níu kéo nên đề nghị Tòa án xem

xét giải quyết cho anh được ly hôn chị H. Mâu thuẫn vợ chồng theo như chị H trình bày là do vợ chồng tuổi còn trẻ, suy nghĩ và cách sống của mỗi người mỗi khác, hơn nữa anh Đ không có lập trường, nghe bố mẹ rất nhiều cũng là ngU nH dẫn tới tình cảm vợ chồng không hòa thuận, vợ chồng cũng tìm rất nhiều giải pháp để hàn gắn tình cảm nhưng đều không có kết quả. Từ tháng 03/2023 đến nay vợ chồng sống ly tH, chấm dứt mọi quan hệ, không ai còn quan tâm đến ai, bản tH chị H cũng xác định không còn tình cảm với anh Đ nên chị H nhất trí ly hôn với anh Đ,

Về con chung: Anh Đ, chị H có 01 con chung tên Cao Tú U, sinh năm 2021. Anh Đ, chị H đều có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu giao cháu U cho chị H nuôi dưỡng anh Đ và gia đình anh Đ cũng nhất trí.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh Đ, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện gia đình anh Đ trình bày: Anh Đ, chị H kết hôn với nhau trên cơ sở, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, cuộc sống vợ chồng anh Đ, chị H không hòa thuận, có nhiều mâu thuẫn, ngU nH do bất đồng quan điểm sống, tuổi còn trẻ nên cách sống và suy nghĩ mỗi người mỗi khác ảnh hưởng lớn đến tình cảm gia đình, mặt khác cách cư xử của chị H với gia đình cũng không được chuẩn mực cũng ảnh hưởng đến mối quan hệ trong gia đình, từ tháng 03/2023 đến nay vợ chồng anh Đ sống ly tH, chị H về bên ngoại ở, gia đình cũng đã xuống nói chuyện và đón chị H về nhưng chị H không đồng ý về, nay vợ chồng anh Đ ly hôn, gia đình nhìn nhận hạnh phúc của vợ chồng anh Đ cũng không còn nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho vợ chồng anh Đ được ly hôn. Vợ chồng anh Đ có 01 con chung tên Cao Tú U, sinh năm 2021, cháu ở cùng chị H. Vợ chồng anh Đ có hay không có tài sản chung gia đình không nắm được.

Đại diện gia đình chị H trình bày: Anh Đ và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống vợ chồng anh Đ, chị H không hòa thuận, tồn tại nhiều mâu thuẫn, ngU nH do bất đồng quan điểm sống, do anh Đ không có lập trường, không quan tâm lo lắng cho gia đình, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, để tháo gỡ những mâu thuẫn đang tồn tại và mong muốn cho vợ chồng anh Đ hàn gắn tình cảm, gia đình hai bên cũng đã trực tiếp gặp nhau để tìm giải pháp nhưng không có thay đổi gì, từ năm 2023 đến nay vợ chồng sống ly tH, mẹ con chị H về ở cùng gia đình còn anh Đ ở nhà anh Đ, hai bên chấm dứt mọi quan hệ, không ai còn quan tâm đến ai, hạnh phúc của vợ chồng anh Đ không còn nên gia đình cũng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho vợ chồng anh Đ được ly hôn. Vợ chồng anh Điệp có 01 con chung tên Cao Tú U, sinh năm 2021, cháu U hiện ở cùng chị H và gia đình. Vợ chồng anh Đ có hay không có tài sản chung gia đình không nắm được.

Xác minh với Ủy ban nH dân xã Quảng Lãng thể hiện: Ngày 25/01/2018 anh Đ và chị H có làm thủ tục đăng ký kết hôn, hôn nH giữa anh Đ, chị H là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh Đ có mâu thuẫn gì nảy sinh hay không thì địa phương không nắm được, qua nắm bắt tình hình an ninh trật tự ở địa phương thì vợ chồng anh Đ không ở cùng nhau từ đầu năm 2023 đến nay. Việc ly hôn giữa vợ chồng anh Đ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh Đ có 01 con chung

tên Cao Tú U, sinh năm 2021, hiện cháu U ở cùng chị H và gia đình bên ngoại, vợ chồng anh Đ có hay không có tài sản chung, địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, anh Đ, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- NgU đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Điều 70, 71, 73 78 BLTTDS.

- Bị đơn đã được Toà án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng vắng mặt không lý do, vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 BLTTDS.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 238 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nH và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01 ngày 16/5/2024 hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nH và gia đình. Đề nghị

Về quan hệ hôn nH: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị H.

Về con chung: Giao con chung tên Cao Tú U, sinh năm 2021 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H, anh Đ có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Đ tự nguyện chịu cả án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thẩm quyền: Anh Cao Văn Đ có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc ly hôn và con chung giữa anh với chị Trần Thị Ngọc H. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hôn nH và gia đình. Bị đơn trong vụ án là chị Trần Thị Ngọc H có hộ khẩu thường trú tại Thôn Quanh, thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nH dân huyện Ân Thi thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định.

Về việc kết hôn của anh Đ, chị H: Anh Đ, chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi,tỉnh Hưng Yên vào năm 2018, việc kết hôn của anh chị đảm bảo các quy định của pháp luật. Do vậy hôn nH của anh Đ, chị H là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Anh Đ có đơn xin ly hôn sẽ áp dụng Luật hôn nH và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Qua lời khai của các đương sự cũng như quan điểm trình bày của đại diện hai bên gia đình, xác minh với chính quyền địa phương thấy rằng thực tế cuộc sống vợ chồng anh Đ, chị H không hoà thuận, hạnh phúc, vợ chồng tồn tại nhiều mâu thuẫn và đã có thời gian dài sống ly tH, hai bên không còn quan tâm, không có trách nhiệm gì với nhau, chấm dứt mọi quan hệ, anh Đ đề nghị ly hôn, chị H nhất trí nên căn cứ vào Điều 51, Điều 55 Luật hôn nH và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị H.

Về con chung: Anh Đ và chị H có 01 con chung tên Cao Tú U, sinh năm 2021. Anh Đ, chị H đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên và không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nguyện vọng của anh Đ, chị H là chính đáng, thể hiện được tình cảm, trách nhiệm của người cha, người mẹ đối với con chưa thành niên, tuy nhiên việc giao cháu U cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét, đánh giá đến điều kiện, hoàn cảnh của từng bên. Về điều kiện kinh tế thì anh Đ, chị H đều có công việc và thu nhập ổn định, về chỗ ở hiện tại cả hai chưa có chỗ ở riêng mà vẫn chung sống cùng gia đình, được sự quan tâm từ bố mẹ trong việc chăm sóc cho con chung, tuy nhiên hiện nay cháu U còn nhỏ, để đảm bảo cuộc sống cũng như tránh xáo trộn về tâm lý, ảnh hưởng đến sự phát triển của cháu U, cần thiết phải giao cháu U cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh Đ, chị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Đ tự nguyện chịu cả án phí DSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 55, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nH và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 của BLTTDS, Khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01 ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nH dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nH và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Cao Văn Đ và chị Trần Thị Ngọc H.

2. Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Cao Tú U, sinh năm 2021 đến tuổi thành niên. Anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H. Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đ tự nguyện chịu cả 150.0000 đồng án phí sơ thẩm dân sự ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001389 ngày 28/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Hoàn trả anh Đ 150.000 đồng án phí DSST

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú theo quy định.

Nơi nhận
- VKS huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Quảng Lãng;
- THADS;
;- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đồng D